TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2024.

V/v tranh chấp: "Yêu cầu không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thị Kim Thoa.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh;
2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*: Ông Phạm Minh Đang - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 256/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2024 về tranh chấp: "Yêu cầu không công nhận vợ chồng".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:124/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 125/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1970. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà Phan Thị Như N, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn M trình bày:*

Tôi và bà Phan Thị Như N là vợ chồng, có tổ chức đám cưới vào năm 1989, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, vợ tôi thường xuyên kiếm chuyện và chửi mắn tôi, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Vì không muốn hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ nên tôi luôn nhường nhịn vợ, tạo nhiều cơ hội để vợ tôi sửa đổi tính tình với hi vọng sẽ hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nhưng tôi càng cố gắng bao nhiêu thì vợ tôi vẫn không chịu sửa đổi tính tình, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó tôi có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông tôi được ly hôn, tuy nhiên giữa tôi và bà N không có đăng ký kết hôn nên tôi yêu cầu:

- Về hôn nhân: tôi yêu cầu Tòa án không công nhận tôi và bà Phan Thị Như N là vợ chồng.

- Về con chung: có 02 con chung là Trần Thanh V, sinh ngày 04/02/1990 và Trần Thanh D, sinh ngày 22/01/2001. Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Phan Thị Như N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp "Yêu cầu không công nhận vợ chồng" theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Bị đơn bà Phan Thị Như N, có địa chỉ tại: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Văn M có đơn xin vắng mặt, bà Phan Thị Như N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông M, bà N.

[3] Về yêu cầu của ông Trần Văn M:

- Về hôn nhân: Theo ông M trình bày: ông và bà N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1989 không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không còn hợp nhau, đã nhiều lần cố gắng để vơ chồng không đổ vỡ nhưng không được, nên ông M yêu cầu ly hôn với bà N, do không có đăng ký kết hôn nên ông M yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà N là vợ chồng. Như vậy, theo quy định pháp luật thì ông M và bà N phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện nay, ông M, bà N vẫn không đăng ký kết hôn. Nay ông M có yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông M với bà N. Phía bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông M. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà N đã vi phạm Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, nên quan hệ giữa ông Trần Văn M và bà Phan Thị Như N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về con chung: có 02 con chung là Trần Thanh V, sinh ngày 04/02/1990 và Trần Thanh D, sinh ngày 22/01/2001. Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Ông Trần Văn M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53, Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn M.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn M và bà Phan Thị Như N.

2/ Về án phí: Ông Trần Văn M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002705 ngày 21/5/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, cấn trừ xem như đã nộp xong án phí.

3/. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- UBND xã T, huyện C
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa